TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2022/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 19 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH H

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Lệ T - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc D – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh H – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2022, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu: Anh **Trần Văn T** Người yêu cầu: Chị **Juan, Pei - S,** sinh ngày: 04/11/1985, Quốc tịch: T, nơi đăng ký thường trú: Phường T, thành phố T, huyện V, DL, đề nghị giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo nội dung yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc Hôn nhân gia đình có nội dung:

Anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S là vợ chồng hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày ngày 20/6/2014, tại Ủy ban nhân dân tỉnh H. Theo số đăng ký số 49/2014, quyển số 01/2013 ngày 23/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã T, thị xã H, tỉnh H khoảng 01 tháng thì chị Juan, Pei – Shan về DL. Từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc. Vợ chồng ly thân từ năm 2014, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S đều thống nhất ly hôn. Vì vậy, anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo trình bày của anh Trần Văn T nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do khoảng cách về địa lý, bất đồng quan điểm, lối sống, phong tục tập quán. Do đó, vợ chồng không còn tình cảm và quan tâm nhau.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân gia đình, chị Juan, Pei - S gọi điện thoại (ghi âm, ghi hình) trình bày ý kiến thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Thế, không tranh chấp. Do công việc, dịch Covid-19 nên chị không về V giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ủy quyền cho anh Thế nhận các văn bản tố tụng; chị Juan, Pei - S là người V nhưng đã nhập quốc tịch DL vì vậy chị có thể nghe, nói, đọc, viết thành thạo tiếng Việt và trình bày ý kiến bằng tiếng Việt.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau và đề nghị Hội đồng giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Căn cứ Điều 149, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự; công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S Hsin, các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H, Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân gia đình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Juan, Pei - S có quốc tịch DL. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh H.

[1.2] Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình làm việc, chị Juan, Pei - S trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu của anh Trần Văn T, không tranh chấp. Do đại dịch Covid-19, chị Juan, Pei - S không về V để giải quyết việc hôn nhân gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền

giao, nhận tài liệu cho anh Trần Văn T. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người V ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tống đạt văn bản tố tụng cho chị Juan, Pei - S thông qua người được ủy quyền và chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án "Ly hôn" thành "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

[1.4] Anh Trần Văn T có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 07/2022/TB-TA ngày 24/01/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S được xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh khi anh Thế tiếp tục ở lại V làm việc còn chị Juan, Pei - S về DL sinh sống, vợ chồng không tin tưởng, bất đồng quan điểm, lối sống, phong tục tập quán, ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."*(Điều 55).

[2.1.4] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Thế và chị Juan, Pei - S như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình,

công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Văn T và chị Juan, Pei - S là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Văn T, sinh ngày: 22/9/1991, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, thị xã H, tỉnh H và chị Juan, Pei - S, sinh ngày: 04/11/1985, Quốc tịch: T, nơi đăng ký thường trú: Phường T, thành phố T, huyện V, DL.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng của anh Trần Văn T theo biên lai số 0000091 ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh H.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh H;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trương Thị Lệ T